

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-4-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Đê

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thạch Khmau

Ông Dương Thành Huynh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2023/TLST-HNGTĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1980; cư trú tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Tsen Shun H, sinh năm 1953; cư trú tại số G, hẻm C, đường L, khu B, phường L, thành phố T, huyện Đ, Lãnh thổ Đài Loan (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ L trình bày: Chị và ông Tsen Shun H tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán và đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh vào năm 2013. Sau khi kết hôn, chị và ông Tsen Shun H sống chung với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng do chênh lệch độ tuổi nên trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, từ đó ít quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và sống ly thân với nhau. Nay, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Tsen Shun H.

Về con chung: Có một người tên Tsen Gia P, sinh ngày 24/5/2012. Hiện nay, chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Tsen Shun H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn ông Tsen Shun H trình bày: Ông thống nhất theo ý kiến của chị Huỳnh Thị Mỹ L về điều kiện kết hôn, thời gian sống chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay, ông cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Có một người tên Tsen Gia P, sinh ngày 24/5/2012, hiện nay do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị Huỳnh Thị Mỹ L và ông Tsen Shun H kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong quá trình sống chung, vợ chồng không hạnh phúc và hiện nay hai người đều đồng ý ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với ông Tsen Shun H. Về con chung, giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tsen Gia P, sinh ngày 24/5/2012, chị L không yêu cầu ông Tsen Shun H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và về nợ chung, không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ L làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 06). Bị đơn ông Tsen Shun H làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 10, 11). Do đó, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và ông Tsen Shun H.

[2] Về hôn nhân: Chị L và ông Tsen Shun H kết hôn với nhau vào ngày 26/12/2013, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình tố tụng, chị L và ông Tsen Shun H đều có lời khai thống nhất với nhau, là trong thời gian sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay, hai người đều đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với ông Tsen Shun H.

[3] Về con chung: Chị L và ông Tsen Shun H đều có lời khai thống nhất với nhau, là có một người con tên Tsen Gia P, sinh ngày 24/5/2012, hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tsen Shun H cũng đồng ý giao cho chị L được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Theo ý kiến của cháu Tsen Gia P, cháu có nguyện vọng được sống chung với chị L (BL 24). Cho nên, thỏa thuận giữa chị L và ông Tsen Shun H về việc đồng ý cho chị L được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của cháu Tsen Gia P. Vì vậy, giao cho chị L được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tsen Shun H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, ông Tsen Shun H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn với ông Tsen Shun H, giao cho chị L được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và về nợ chung, là có căn cứ.

[8] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0019487, ngày 14/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Mỹ L ly hôn với ông Tsen Shun H.
2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tsen Gia P, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2012.

Ông Tsen Shun H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Huỳnh Thị Mỹ L. Chị Huỳnh Thị Mỹ L cùng thành viên gia đình không ai được cản trở ông Tsen Shun H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tsen Shun H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huỳnh Thị Mỹ L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0019487, ngày 14/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Ngô Đê**